

Bản án số: **573/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Lâm Bình**.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Mai**.

Ông **Nguyễn Hữu Độ**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đăng Hùng** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Doãn Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 23/8/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 363/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về việc: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 27/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Xuân A**, sinh năm 1992.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội.
Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1996.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Xuân A trình bày:***

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị B ngày 11/01/2016 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh tại Thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội. Cuộc sống vợ chồng sống hòa thuận đến khoảng tháng 4 năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị B có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Sau nhiều lần chất vấn và theo dõi, chị B đã thừa nhận việc này dẫn đến vợ chồng xảy ra bất hoà, không có sự tin tưởng lẫn nhau. Vợ chồng đã ly thân từ ngày 04/4/2022 cho đến nay, chị B về nhà bố mẹ để ở cùng thôn X sinh sống, hai bên gần như không có trách nhiệm gì với nhau. Gia đình hai bên đã hẹn gặp mặt để động viên, hoà giải cho hai vợ chồng nhưng chị B không hợp tác, không có mặt nên không có kết quả. Nay anh

xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục nên anh yêu cầu được ly hôn với chị B.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân C, sinh ngày 30/10/2016 và cháu Nguyễn Như D, sinh ngày 11/8/2019. Từ sau khi vợ chồng ly thân, cháu C vẫn ở với anh còn cháu D theo mẹ về ở nhà bà ngoại. Ly hôn, anh xin nuôi cháu C, để chị B nuôi cháu D và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay vợ chồng anh đều đang làm công việc tự do, anh kinh doanh đồ gỗ tại đại phương, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng. Chị B kinh doanh quần áo, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Về chỗ ở: Anh và cháu C đang chung sống cùng bố mẹ anh, chị B và cháu D đang chung sống cùng bố mẹ chị đều tại Thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội. Điều kiện ăn ở, sinh hoạt của gia đình hai bên đều thoải mái, đảm bảo.

- **Về tài sản chung:** Anh xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị cũng thống nhất với anh Nguyễn Xuân A về thời gian và điều kiện kết hôn. Còn về mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, chị xác định đến khoảng đầu năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và không có sự tin tưởng lẫn nhau, anh A nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng hay bất hoà. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 3 năm 2022 cho đến nay, anh A đưa trả chị về nhà bố mẹ để chị ở cùng thôn. Từ đó, hai vợ chồng không có trách nhiệm gì với nhau, chỉ thỉnh thoảng nhắn tin hỏi thăm về việc con cái. Gia đình đã động viên, hoà giải cho hai vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay anh A xin ly hôn, quan điểm của chị không đồng ý vì chị vẫn còn tình cảm với chồng và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy các con nhỏ.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân C, sinh ngày 30/10/2016 và cháu Nguyễn Như D, sinh ngày 11/8/2019. Nếu phải ly hôn, chị xin nuôi cháu D, để anh A nuôi cháu C và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** Chị xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết sau khi đã được Tòa án giải thích quyền và nghĩa vụ của đương sự đối với yêu cầu chia tài sản.

* **Tại phiên tòa hôm nay:**

- Nguyên đơn anh Nguyễn Xuân A có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị B tiếp tục không có mặt nên không có thêm ý kiến trình bày.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm tố tụng.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về việc giải quyết vụ án:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Xuân A đối với chị Nguyễn Thị B.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân C, sinh ngày 30/10/2016 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Như D, sinh ngày 11/8/2019 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh A, chị B đến khi từng con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Anh A phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Xuân A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị B hiện đang cư trú trên địa bàn huyện Đông Anh. Do vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Đông Anh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng. Anh A có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo thủ tục chung là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Xuân A và chị Nguyễn Thị B: Anh chị tự nguyện kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội ngày 11/01/2016 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Xuân A: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng bố mẹ anh A tại Thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội. Anh A, chị B đều có lời khai tại Tòa án thể hiện trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị chỉ hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và không có sự tin tưởng lẫn nhau, anh A nghi ngờ chị B có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng hay bất hoà. Anh chị đã ly thân từ khoảng tháng 4 năm 2022 cho đến nay, chị B về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn X sinh sống. Từ đó, hai vợ chồng không gần gũi, không qua lại và không có trách nhiệm gì với nhau, chỉ thỉnh thoảng nhắn tin hỏi thăm về việc con cái. Gia đình hai bên cũng đã tác động, hoà giải cho hai vợ chồng nhưng không có kết quả. Chính quyền địa phương nơi anh chị chung sống xác định: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh A, chị B như thế nào địa phương không nắm được. Tuy nhiên, khoảng 03, 04 tháng trở lại đây, vợ chồng anh chị ly thân, chị B về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn X sinh sống, hai bên vẫn chưa đoàn tụ. Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo nguyện vọng của anh chị và quy định của pháp luật để các bên ổn định cuộc sống.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị bắt nguồn từ việc không có tiếng nói chung và không có sự tin tưởng lẫn nhau về lòng chung thủy dẫn đến việc bất hòa, ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, chị B đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ đến làm việc và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ chị B không có thiện chí trong việc giải quyết vụ án ly hôn này và không có biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng mặc dù không đồng ý ly hôn và xác định vẫn còn tình cảm với anh A.

Từ những phân tích trên, xét thời gian ly thân của anh chị mặc dù chưa được quá lâu nhưng mục đích hôn nhân không đạt được; không những bị đơn không có biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng mà hai bên còn có ý thức bỏ mặc, không có trách nhiệm đối với nhau, do đó không phù hợp với nguyên tắc của Luật hôn nhân gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Ngoài ra, không có căn cứ để xác định giữa hai bên có còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau hay không nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Xuân A đối với chị Nguyễn Thị B để các bên ổn định cuộc sống riêng.

[4] Về con chung: Anh A, chị B có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân C, sinh ngày 30/10/2016 và cháu Nguyễn Như D, sinh ngày 11/8/2019.

Quá trình giải quyết vụ án, anh A và chị B đều xác định thống nhất nếu ly hôn, anh A sẽ nuôi cháu C, chị B nuôi cháu D và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự xác định đều có thu nhập và chỗ ở ổn định. Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện không ai bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên. Do đó, anh A, chị B đều có khả năng, điều kiện nuôi con. Do vậy, cần ghi nhận sự thỏa thuận về con chung của các đương sự, giao cháu Nguyễn Xuân C cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Như D cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh A, chị B đến khi từng con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Anh A, chị B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 203, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Xuân A đối với chị Nguyễn Thị B. Anh A được ly hôn chị B.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2016, đăng ký ngày 11/01/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội cấp cho anh Nguyễn Xuân A và chị Nguyễn Thị B không còn giá trị pháp lý).

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân C, sinh ngày 30/10/2016 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Như D, sinh ngày 11/8/2019 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh A, chị B đến khi từng con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Anh A, chị B đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân A phải chịu 300.000(Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000(Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số **46588** ngày 07/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Xác nhận anh A đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- TAND thành phố Hà Nội;
- THA dân sự huyện Đông Anh;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Lâm Bình